

Số: 01 /2025/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 19 tháng 02 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 20 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 ngày 10 tháng 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử*



dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Thực hiện Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh, giai đoạn 2021 - 2025.

Xét Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 03/BC-HĐND-KTNS ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Nghị quyết này quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023 - 2025.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà



nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; các văn bản liên quan của các bộ, ngành ban hành và theo các nội dung quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

### **Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ**

#### 1. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

##### a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn. Mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

##### b) Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đối với cá nhân: quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên. Việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác có hoạt động dịch vụ thủy lợi.

- Đối với hợp tác xã, tổ hợp tác có hoạt động dịch vụ thủy lợi: quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất.

- Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng chủ lực của tỉnh, địa phương.

2. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, thôn, ấp; mô hình thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa và mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn ở nông thôn

##### a) Nội dung hỗ trợ

Theo quy định tại khoản 7, khoản 12 Điều 1 Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; khoản 11, khoản 19 Điều 3; Điều 58; Điều 61; Điều 66; khoản 1 Điều 72; khoản 1, 2, 4 Điều 73; khoản 1, 4 Điều 75; Điều 77; Điều 78 của Luật



Bảo vệ môi trường năm 2020. Điều 3; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 56; Điều 58, Điều 59; Điều 61; Điều 62; Điều 63 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khoản 5, Điều 3; Điều 26 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Mức hỗ trợ: 70% kinh phí thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với huyện miền núi, 50% đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại.

3. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

a) Nội dung hỗ trợ

- Chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc tương đương; hệ thống phân tích môi nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP), hệ thống quản lý ISO 22000 theo chuỗi giá trị.

- Mức hỗ trợ: 80% tổng kinh phí cho 01 dự án trên địa bàn các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; 70% tổng kinh phí cho cho 01 dự án trên địa bàn các xã còn lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nội dung hỗ trợ

- Tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc tương đương; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ.

- Mức hỗ trợ: 100% chi phí cho cá nhân, tổ chức.

4. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp

a) Nội dung hỗ trợ

- Đối với trồng trọt và lâm nghiệp, gồm: Máy, thiết bị phục vụ các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, tưới tiêu, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

- Đối với chăn nuôi và thủy sản, gồm: Máy, thiết bị phục vụ cho chăn nuôi theo hình thức bán công nghiệp, công nghiệp; hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động, làm mát chuồng trại, sơ chế, chế biến thức ăn, vệ sinh chuồng trại, xử lý chất thải chăn nuôi và phân bón cho cây trồng.

b) Mức hỗ trợ: 50% tổng kinh phí cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

a) Nội dung hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn

- Định hướng, bố trí và tổ chức không gian lãnh thổ các khu du lịch, điểm du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các



tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương. Mức hỗ trợ 70% tổng kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm du lịch.

- Hỗ trợ cảnh quan kiến trúc và môi trường trong không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái. Mức hỗ trợ 70% tổng kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm đạt chất lượng phục vụ khách du lịch. Mức hỗ trợ 50% chi phí xây dựng theo dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ dịch vụ (điểm dừng nghỉ, điểm trưng bày sản phẩm đặc sản, nông sản địa phương, ăn uống, giải khát, vệ sinh...) dọc theo các tuyến đường giao thông gần với điểm du lịch với khoảng cách hợp lý. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm.

- Hỗ trợ hoàn thiện (nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, thu gom và xử lý rác thải, nước thải) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng, miền. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nội dung hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

- Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng, miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng du khách (theo khách quốc tế, nội địa, theo độ tuổi); đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao, bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 sản phẩm du lịch.

- Hỗ trợ hoàn thiện các cơ sở lưu trú homestay (hình thức lưu trú tại nhà dân) và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 cơ sở.

- Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống để phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận: hỗ trợ nghệ nhân ưu tú 800.000 đồng/ngày, nghệ nhân nhân dân 1.000.000 đồng/ngày. Chi thù lao cho nghệ nhân, người thực hành (am hiểu về văn hóa truyền thống, có khả năng hướng dẫn, truyền dạy trong cộng đồng) tham gia hướng dẫn, tập huấn, truyền dạy: 300.000 đồng/người/buổi. Số ngày hỗ trợ theo quyết định của cơ quan được giao nhiệm vụ và hướng dẫn chuyên



môn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

- Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống gắn với du lịch nông thôn. Mức hỗ trợ theo dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

#### 6. Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP

Mức hỗ trợ 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp

Mức hỗ trợ: 20 triệu đồng cho 01 Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất)

Mức hỗ trợ: 70% kinh phí đối với huyện miền núi, 50% đối với các huyện còn lại để thực hiện 01 dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở từ ngân sách địa phương tại các xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

Mức hỗ trợ: theo quy định tại Điều 100 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **Điều 3. Nguồn vốn thực hiện**

Nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Đối với các nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đang thực hiện theo quy định tại Nghị

quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thì tiếp tục thực hiện đến khi hoàn thành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 20 (chuyên đề) thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ NN và PTNT, Bộ TP (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh);
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Hằng**

